

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 24-9-2025

Về việc không công nhận
quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Duy Hưng.

Bà Đinh Thị Minh Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Khánh Hoà - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2025 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2025/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Thảo Thị D, sinh năm 1988.

Địa chỉ: bản PB, xã BY, tỉnh Sơn La. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Mùa A N, sinh năm 1989.

Địa chỉ: bản PB, xã BY, tỉnh Sơn La. Có mặt.

3. *Người phiên dịch:* Anh Thảo A Chồng, sinh năm 1971. Địa chỉ: bản Văn Ban, xã BY, tỉnh Sơn La. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 14/7/2025 và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn chị Thảo Thị D trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Thảo Thị D và anh Mùa A N sống chung với nhau từ khoảng năm 2008, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương. Khi chung sống với nhau anh, chị không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân là do anh, chị bất đồng quan điểm sống, anh N thường xuyên uống rượu, thiếu quan tâm chăm sóc gia đình, hai vợ chồng thiếu tin tưởng nhau và thiếu tôn trọng nhau. Gia đình đã khuyên giải nhiều lần

nhưng hai vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm. Hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ khoảng tháng 7 năm 2025 đến nay không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị Thảo Thị D yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận là vợ chồng giữa chị và anh Mùa A N.

Về con chung: có 02 con chung, con thứ nhất tên là Mùa Thị B, sinh ngày 09/9/2013 và con thứ hai tên là Mùa Vàng P, sinh ngày 17/11/2010. Từ khi anh, chị ly thân đến nay, hai cháu ở cùng gia đình anh Mùa A N. Do hai con chung mong muốn được ở cùng anh Mùa A N nên chị Thảo Thị D nhường quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai cháu Mùa Thị B, sinh ngày 09/9/2013 và cháu Mùa Vàng P, sinh ngày 17/11/2010 cho anh Mùa A N.

Về cấp dưỡng: anh N yêu cầu cấp dưỡng nuôi cháu Mùa Thị B, sinh ngày 09/9/2013, chi nhất trí cấp dưỡng với mức cấp dưỡng nuôi con chung là 500.000 đồng mỗi tháng, phương thức cấp dưỡng theo tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Mùa Thị B thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: tự thỏa thuận phân chia, thanh toán, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: chị Thảo Thị D tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng định kỳ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/8/2025, quá trình hòa giải và lời khai tại phiên tòa, bị đơn anh Mùa A N trình bày như sau:

Anh và chị Thảo Thị D chung sống với nhau từ khoảng năm 2008 và có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán tại địa phương nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, cả hai chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2025 thì hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh bị đau chân khó khăn trong việc lao động, hai vợ chồng bất đồng về kinh tế và thiếu tin tưởng, tôn trọng nhau, tuy nhiên, mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng. Nguyên vọng của anh vẫn muốn chung sống với chị Thảo Thị D.

Về con chung: hai vợ chồng có 02 con chung là Mùa Thị B, sinh ngày 09/9/2013 và Mùa Vàng P, sinh ngày 17/11/2010. Hai cháu đang ở cùng anh, trường hợp ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai cháu đến khi các cháu thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng: tại phiên hòa giải anh N yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi cháu Mùa Thị B, sinh ngày 09/9/2013 với số tiền 1.200.000 đồng một tháng cho đến khi cháu Mùa Thị B thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Tại phiên tòa, anh nhất trí với mức cấp dưỡng chị D đề nghị là 500.000 đồng một tháng, phương

thức cấp dưỡng theo tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Mùa Thị B thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: tự thỏa thuận phân chia, thanh toán, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: nhất trí với yêu cầu tự nguyện chịu án phí của nguyên đơn.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Sơn La phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ các bước về trình tự, thủ tục tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Đối với các đương sự, từ khi thụ lý vụ án đến phiên toà ngày hôm nay các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Về việc giải quyết vụ án: khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53, Điều 58, 59, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Thào Thị D.

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa chị Thào Thị D và anh Mùa A N.

- Về con chung: Giao các cháu Mùa Thị B, sinh ngày 09/9/2013 và Mùa Vàng P, sinh ngày 17/11/2010 cho anh Mùa A N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi các cháu thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Không ai được cản trở quyền trông nom, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

- Về cấp dưỡng: Chị Thào Thị D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Mùa Thị B, sinh ngày 09/9/2013 số tiền 500.000 đồng mỗi tháng, phương thức cấp dưỡng theo tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Mùa Thị B thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Thào Thị D được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng định kỳ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Thào Thị D và anh Mùa A N chung sống với nhau từ năm 2008 tại bản PB, xã BY, tỉnh Sơn La nhưng không đăng ký kết hôn. Chị Thào Thị D có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình về xác định quan hệ hôn nhân của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 7 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Mùa A N cư trú tại bản PB, xã BY, tỉnh Sơn La. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Sơn La.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Thào Thị D và anh Mùa A N tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2008, có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Kết quả xác minh với UBND xã BY, tỉnh Sơn La và trưởng bản PB, xã BY, tỉnh Sơn La xác định chị Thào Thị D và anh Mùa A N chung sống với nhau từ năm 2008, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, hai anh chị xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, đời sống chung không hòa hợp, thiếu sự tin tưởng, tôn trọng nhau, anh chị đã sống ly thân từ khoảng giữa năm 2025 đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy việc nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà yêu cầu giải quyết thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng. Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Thào Thị D với anh Mùa A N.

[3] Về con chung: Anh, chị có hai con chung là cháu Mùa Thị B, sinh ngày 09/9/2013 và Mùa Vàng P, sinh ngày 17/11/2010. Tại biên bản ghi ý kiến ngày 21/8/2025, nguyện vọng của các cháu đều mong muốn được ở cùng bố. Quá trình giải quyết vụ án, các bên đều thống nhất giao hai con chung cho anh Mùa A N trực tiếp nuôi dưỡng, Hội đồng xét xử xét thấy việc thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của các cháu, không trái đạo đức xã hội, cần chấp nhận.

Không ai được cản trở quyền trông nom, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung:

Chị Thào Thị D có công việc bán hoa quả tại chợ, không có công việc ổn định, thu nhập hiện tại vào khoảng 2.500.000 đồng/tháng theo mức thu nhập bình quân đầu người tại bản PB, xã BY, tỉnh Sơn La theo biên bản xác minh ngày 21/8/2025 với ông Mùa A Chang - trưởng bản. Hội đồng xét xử xét thấy, việc cấp dưỡng nuôi con vừa là quyền đồng thời là nghĩa vụ của cha mẹ đối với con. Tại phiên tòa, anh Mùa A N và chị Thào Thị D đã tự nguyện thỏa thuận với nhau về

mức cấp dưỡng nuôi cháu Mùa Thị B là 500.000 đồng, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Mùa Thị B thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Hội đồng xét xử xét thấy sự thỏa thuận của hai bên là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, cần chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản riêng: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: tự thỏa thuận phân chia, thanh toán, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn chị Thảo Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng tuy nhiên do chị Thảo Thị D là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, có yêu cầu được miễn án phí tại phiên tòa, do vậy được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Thảo Thị D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Thảo Thị D và anh Mùa A N.

2. Về con chung: Giao con chung Mùa Thị B, sinh ngày 09/9/2013 và Mùa Vàng P, sinh ngày 17/11/2010 cho anh Mùa A N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi các cháu thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Không ai được cản trở quyền trông nom, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

3. Về cấp dưỡng:

Chị Thảo Thị D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Mùa Thị B hàng tháng với mức cấp dưỡng là 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng)/tháng. Thời điểm cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Mùa Thị B thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

4. Về tài sản chung: tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: tự thỏa thuận phân chia, thanh toán, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Chị Thảo Thị D được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con. Hoàn trả cho chị Thảo Thị D số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La theo biên lai thu tiền số BLTU/25E/0000195 ngày 14 tháng 8 năm 2025.

6. Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 24/9/2025).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND khu vực 5 - Sơn La;
- Phòng THADS khu vực 5 - Sơn La;
- Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Anh Đức

